

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **76/2024/DS-ST**

Ngày: 10-6-2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BH - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Tam

Ông Trần Công Danh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trọng Duy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BH, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BH, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu P**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ 38, khu phố VD, phường PT, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà **Phan Thị H**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ 38, khu phố VD, phường PT, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

(Bà P, bà H có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu P trình bày:

Tôi và bà Phan Thị H là chỗ hàng xóm thân quen, cùng sinh sống tại tổ 38, khu phố VD, phường PT, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai. Vào năm 2021, bà H thiếu vốn làm ăn nên tôi đã cho bà H vay tiền hai lần cụ thể:

Lần 01: Ngày 10/02/2021 tôi cho bà H vay 100.000.000 đồng, với lãi suất 3%/1 tháng, thời điểm trả tiền lãi là ngày 10 tây hàng tháng, thời hạn vay là 06 tháng, tức là ngày 10/8/2021, bà H phải trả toàn bộ gốc cho tôi.

Lần 02: Ngày 22/02/2021 tôi cho bà H vay 50.000.000 đồng, với lãi suất 3%/1 tháng, thời điểm trả tiền lãi là ngày 10 tây hàng tháng, thời hạn vay là 06 tháng, tức là ngày 22/8/2021, bà H phải trả toàn bộ gốc cho tôi.

Việc vay mượn được bà H ghi nhận cụ thể trong 02 giấy vay tiền ngày 10/02/2021 và ngày 22/02/2021.

Kể từ ngày vay được tiền đến nay bà H mới trả cho tôi được 05 tháng tiền lãi là 26.250.000 đồng và chưa trả cho tôi khoản tiền gốc nào. Tôi đã nhiều lần liên hệ để đòi tiền gốc và lãi còn lại nhưng bà H cố tình tránh né không chịu gặp mặt và không trả nợ cho tôi.

Nay tôi yêu cầu bà Phan Thị H trả cho tôi các khoản sau:

- Nợ gốc là 150.000.000 đồng;
- Tiền lãi với lãi suất 20%/1 năm từ ngày 01/9/2021 đến ngày 10/6/2024 trừ đi số tiền lãi bà H đã trả là: $150.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times 02 \text{ năm} 09 \text{ tháng} - 26.250.000 \text{ đồng} = 82.410.000 \text{ đồng} - 26.250.000 \text{ đồng} = 56.160.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền bà H phải trả cho tôi là: 150.000.000 đồng + 56.160.000 đồng = 206.160.000 đồng.

Bị đơn – Bà Phan Thị H trình bày tại phiên tòa: Năm 2021, tôi có thỏa thuận vay tiền của bà Nguyễn Thị Thu P 02 lần cụ thể: Lần 01: Ngày 10/02/2021 tôi vay Bà P 100.000.000 đồng, lần 2 ngày 10/8/2021 tôi vay Bà P 50.000.000 đồng. Ban đầu hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 3.5%/1 tháng sau đó Bà P giảm lãi xuống cho tôi còn 3%/1 tháng, thời hạn vay là 06 tháng. Tôi thừa nhận chữ ký và chữ viết trong hai giấy cho vay tiền ngày 10/02/2021 và ngày 22/02/2021 là của tôi.

Tôi đã trả Bà P được 05 tháng tiền lãi với số tiền là 26.250.000 đồng. Tôi xác nhận còn nợ Bà P 150.000.000 đồng tiền gốc.

Nay Bà P yêu cầu tôi trả toàn bộ tiền gốc và lãi cho Bà P thì tôi đồng ý trả tiền gốc và xin Bà P không lấy tiền lãi.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố BH phát biểu:

* *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng quy định pháp luật; Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

* *Về đường lối giải quyết vụ án:*

Hồ sơ vụ án thể hiện bà H có ký 02 giấy xác nhận vay tiền cụ thể: Ngày 10 tháng 02 năm 2021, bà Phan Thị H có vay của Bà P số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng với lãi suất 3%/tháng. Ngày 22 tháng 02 năm 2021 bà Phan Thị H lại vay Bà P 50.000.000, lãi suất 3%/tháng. Bà P đã nhiều lần liên hệ đòi tiền nhưng bà H cố tình trốn tránh, không chịu trả nợ lãi. Tính đến nay bà H mới trả được cho Bà P 05 tháng tiền lãi với số tiền cụ thể là: 26.250.000 (Hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình Bà P có cung cấp giấy vay tiền ngày 10/02/2021 và 22/02/2021. Do đó yêu cầu của nguyên đơn buộc bà H phải trả số tiền vay 150.000.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo biên bản xác minh ngày 19/4/2024, thể hiện, bà Phan Thị H có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại tổ 38, khu phố VD, phường PT, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ theo điểm a, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về tố tụng: Các đương sự đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và có mặt tại phiên tòa.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và lãi theo giấy cho vay tiền ngày 10/02/2021 và 22/02/2021. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[4] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu P yêu cầu bà Phan Thị H phải thanh toán cho bà tổng số tiền là 206.160.000 đồng (Trong đó số tiền gốc đã vay 150.000.000 đồng và tiền lãi 56.160.000 đồng) thì thấy:

[4.1] Đối với nội dung yêu cầu trả tiền gốc:

Vào ngày 10/02/2021 và ngày 22/02/2021, bà Phan Thị H có vay tiền của bà Nguyễn Thị Thu P, hai bên có lập giấy cho vay tiền. Bà H thừa nhận các chữ ký, chữ viết trong 02 giấy cho vay tiền này của bà Phan Thị H. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo về việc yêu cầu bị đơn có ý kiến và cung cấp tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà Phan Thị H nhưng bà H vắng mặt và không có ý kiến; Tại phiên tòa bà H cũng thừa nhận có vay tiền của Bà P 02 lần với tổng số tiền vay là 150.000.000 đồng, đến nay mới trả được 05 tháng tiền lãi mà chưa trả khoản gốc nào. Do bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Bà P đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Bà P, vì vậy việc Bà P yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả lại cho bà số tiền gốc đã vay là 150.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn:

Tại phiên tòa cả Bà P và bà H đều thừa nhận khi vay tiền, hai bên có thỏa thuận lãi suất cho vay là 3.5%/1 tháng, sau đó hai bên thỏa thuận giảm lãi suất xuống còn 3%/1 tháng. Căn cứ vào giấy cho vay tiền ngày 10/02/2021 và giấy cho vay tiền ngày 22/02/2021, hai bên thỏa thuận mức lãi suất cho vay là 3%/1 tháng (tương đương 36%/1 năm), mức lãi suất hai bên thỏa thuận đã vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này

thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.” Như vậy Bà P yêu cầu bà H trả nợ lãi là 20%/1 năm trên tổng số tiền gốc vay là có cơ sở chấp nhận.

[4.3] Đối với yêu cầu của ông Mai Văn Độ là chồng của Bà P: Ông Độ cho rằng khoản tiền Bà P cho bà H vay là tiền riêng của Bà P không phải tài sản chung của vợ chồng. Ông Độ yêu cầu Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng trong vụ án vì không có liên quan trong vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị H phải chịu 10.308.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu P số tiền 5.273.000đ (Năm triệu hai trăm bảy mươi ba ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002688 ngày 06/3/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố BH.

[6] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử sơ thẩm nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 203, 205, 207, 227, 228, Điều 235 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu P về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bà Phan Thị H.

Buộc bà Phan Thị H phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thu P số tiền tính đến ngày 10/6/2024 là 206.160.000 đồng (hai trăm lẻ sáu triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng). Trong đó, nợ gốc là 150.000.000 đồng, nợ lãi là 56.160.000 đồng.

2. Án phí Dân sự sơ thẩm: Buộc bà Phan Thị H phải chịu 10.308.000 đồng (mười triệu ba trăm lẻ tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu P số tiền 5.273.000đ (Năm triệu hai trăm bảy mươi ba ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002688 ngày 06/3/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố BH.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố BH;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP BH;
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

Nguyễn Thị Nhàn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

